

Số: 21 /2021/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 13 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về thẩm định và phê duyệt:
Dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán
xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ Quy
định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì
công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy
định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1994/TTr-SXD
ngày 18/6/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về
thẩm định và phê duyệt: Dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và
dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về thẩm định và phê duyệt dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các Chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- TT tin học và Công báo;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Phòng CNXD, NNTN;
- Lưu: VT, CNXD (Đ.70).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về thẩm định và phê duyệt: Dự án, thiết kế xây dựng
triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /QĐ-UBND ngày 13 /7/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về thẩm định và phê duyệt: Dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Những quy định khác liên quan đến việc thẩm định và phê duyệt: Dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình thực hiện theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 (Sau đây viết tắt là Luật số 50/2014/QH13); Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Sau đây viết tắt là Luật số 62/2020/QH14); Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (Sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP); Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Sau đây viết tắt là Nghị định số 10/2021/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc thẩm định và phê duyệt: Dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Quy định viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng viết tắt là BCKTKT.
2. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng viết tắt là BCNCKT
3. Thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở gồm thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và được viết tắt là TKKT, TKBVTC.
4. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND.

5. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thực hiện thẩm định BCNCKT, BCKTKT thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở gồm: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này);

đ) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp được giao quản lý.

7. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện là cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị thành phố Hòa Bình, Phòng Kinh tế thành phố Hòa Bình, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Điều 4. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công: Chủ đầu tư được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

2. Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được người quyết định đầu tư giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh: Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của từng dự án.

4. Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức đối tác công tư (PPP): Chủ đầu tư là Nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật.

5. Dự án mà pháp luật về đầu tư có quy định phải lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án, chủ đầu tư là nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia thì các nhà đầu tư có thể thành lập tổ chức hoặc ủy quyền cho một nhà đầu tư làm chủ đầu tư. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định về việc lựa chọn và công nhận chủ đầu tư thì việc lựa chọn và công nhận chủ đầu tư phải đáp ứng các điều kiện và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

6. Dự án không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này chủ đầu tư là tổ chức, cá nhân bỏ vốn, vay vốn để đầu tư xây dựng.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh (bao gồm cả BCKTKT). Cơ quan chủ trì thẩm định được xác định như sau:

a) Sở Xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ dự án đường quốc lộ qua đô thị, các dự án tại điểm đ điều này);

b) Sở Giao thông vận tải đối với dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án do Sở Xây dựng thực hiện nêu tại điểm a, khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án nêu tại điểm a, đ khoản này);

đ) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đối với các dự án được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp được giao quản lý, trừ các dự án có các công trình cấp II trở lên.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

a) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện nêu tại khoản 7, Điều 3 Quy định này chủ trì thẩm định các dự án chỉ yêu cầu lập BCKTKT do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư; Đối với các dự án chỉ yêu cầu lập BCKTKT do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư thì tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án chủ trì thẩm định;

Thiết kế bản vẽ thi công và tổng mức đầu tư xây dựng của các dự án chỉ yêu cầu lập BCKTKT do Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm định.

b) Đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thì Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao chuẩn bị dự án trình các Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh được nêu tại khoản 6, Điều 3 Quy định này để được thẩm định các nội dung của BCNCKT thuộc trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

c) Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao chuẩn bị dự án có trách nhiệm gửi kết quả thẩm định của các cơ quan chuyên môn về xây dựng đến cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư để tổng hợp và tổ chức thẩm định BCNCKT, BCKTKT trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng vốn nhà nước ngoài đầu tư công không thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư nêu tại khoản 1, 2 Điều này và các dự án sử dụng vốn khác: Người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc làm cơ quan chủ trì thẩm định BCNCKT, BCKTKT.

4. Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định dự án PPP thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điều 5 Quy định này, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt dự án.

5. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng khi thực hiện vai trò là cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư sẽ có trách nhiệm xin ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), tổng hợp ý kiến và trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

Điều 6. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng tại khoản 6, Điều 3 Quy định này thẩm định đối với dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh; trừ dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng tại khoản 6, Điều 3 Quy định này thẩm định đối với dự án nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh; trừ dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Đối với dự án PPP: Cơ quan chuyên môn về xây dựng tại khoản 6, Điều 3 Quy định này thẩm định đối với dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh; trừ dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác: Cơ quan chuyên môn về xây dựng tại khoản 6, Điều 3 Quy định này thẩm định đối với dự án quy mô lớn quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Phụ lục số X, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ dự án quy định tại các điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

5. Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp (gồm nhiều công trình có loại, cấp khác nhau), cơ quan đầu mối thẩm định là cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy định này đối với công năng phục vụ của công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Cơ quan đầu mối thẩm định có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham gia ý kiến thẩm định đối với từng hạng mục công trình chuyên ngành.

6. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn hỗn hợp gồm nhiều nguồn vốn, việc quản lý được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

7. Hồ sơ, quy trình thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định Điều 14, Điều 15, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

8. Thẩm quyền, trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 16, 17 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 7. Phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng

a) Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định về phân cấp của UBND tỉnh.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng của doanh nghiệp có sử dụng vốn đầu tư của nhà nước, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Đối với dự án PPP, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

d) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công (trừ dự án quy định tại điểm b, khoản này) và dự án sử dụng vốn khác, chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư xây dựng hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc phê duyệt dự án của cơ quan có thẩm quyền đối với dự án PPP được thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Các nội dung của quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; Mẫu Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 8. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công được điều chỉnh theo các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định BCNCKT điều chỉnh đối với các trường hợp được quy định tại khoản 2, Điều 19, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền, trình tự thẩm định BCNCKT điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thực hiện theo quy định Điều 6 Quy định này. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nhóm dự án hoặc cấp công trình xây dựng của dự án, thẩm quyền thẩm định BCNCKT điều chỉnh được xác định theo thẩm quyền của nhóm dự án, cấp công trình sau điều chỉnh.

Điều 9. Khảo sát, thiết kế xây dựng

Việc khảo sát, thiết kế xây dựng được thực hiện theo quy định tại Mục 1, Mục 2, Chương III, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

Điều 10. Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định (trong trường hợp người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định) theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 và khoản 25 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH1 làm cơ sở phê duyệt, trừ trường hợp người quyết định đầu tư có quy định khác tại quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

2. Việc thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

3. Trong quá trình thẩm định, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

4. Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24, Điều 1, Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận

đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng. Việc thẩm tra thiết kế xây dựng đối với công trình xây dựng nêu trên được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 35 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn bản của các cơ quan tổ chức có liên quan để làm cơ sở phê duyệt thiết kế. Kết quả thẩm định và phê duyệt của chủ đầu tư được thể hiện tại Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng theo quy định tại Mẫu số 07, Phụ lục I, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công (trừ các công trình quy định tại điểm a khoản 1, Điều 36, Nghị định 15/2021/NĐ-CP), cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ dự án đường quốc lộ qua đô thị, các dự án tại điểm đ điều này);

b) Sở Giao thông vận tải đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thực hiện nêu tại điểm a, khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ công trình nêu tại điểm a, điểm đ khoản này);

đ) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đối với các công trình thuộc các dự án được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp được giao quản lý, trừ các công trình cấp II trở lên.

2. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Cơ quan chuyên môn về xây dựng nêu tại khoản 1 Điều này thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng thuộc dự án có quy mô nhóm B, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng (trừ các công trình quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

3. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án PPP: Cơ quan chuyên môn về xây dựng nêu tại khoản 1 Điều này thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn

hành chính của tỉnh (trừ công trình quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

4. Đối với công trình xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn khác: Cơ quan chuyên môn về xây dựng nêu tại khoản 1 Điều này thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng và được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn (trừ công trình quy định tại điểm a khoản 4, Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

5. Đối với dự án hỗn hợp gồm nhiều loại công trình khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định quy định tại khoản 1 Điều này đối với công năng phục vụ của công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Trường hợp dự án có nhiều công trình cùng loại với nhiều cấp khác nhau, cơ quan thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thẩm định công trình có cấp cao nhất của dự án. Cơ quan đầu mối thẩm định có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham gia ý kiến thẩm định đối với từng hạng mục công trình chuyên ngành.

6. Việc thẩm định bước thiết kế kỹ thuật tổng thể (FEED) phục vụ lựa chọn nhà thầu trong trường hợp thực hiện hình thức hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình hoặc bước thiết kế khác triển khai theo thông lệ quốc tế quy định tại điểm a, điểm d, khoản 2, Điều 82, Luật số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24, Điều 1, Luật số 62/2020/QH14 của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 36, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

7. Hồ sơ, quy trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của Chủ đầu tư được thể hiện tại quyết định phê duyệt, các nội dung được quy định tại khoản 1, Điều 40, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Mẫu quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công quy định tại Mẫu số 07, Phụ lục I, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Các nội dung khác trong quá trình phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được thực hiện theo quy định tại khoản 3 khoản 4 Điều 40 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 11, Quy định này thực hiện việc thẩm định thiết kế xây dựng điều chỉnh đối với các trường hợp được quy định tại khoản 1, Điều 39, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Việc thẩm tra thiết kế xây dựng điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 10, Quy định này.

3. Đối với thiết kế xây dựng điều chỉnh, bổ sung không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở phê duyệt.

4. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 39, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 14. Thẩm định dự toán xây dựng công trình

1. Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng. Cơ quan trình thẩm định gửi dự toán xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đến các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này để được thẩm định.

2. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 13, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

3. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng công trình của chủ đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 13, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

4. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng công trình đối với công trình xây dựng thuộc dự án PPP được thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 13, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

5. Chủ đầu tư thẩm định dự toán chi phí các công việc chuẩn bị để lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và các chi phí tính chung cho cả dự án. Trường hợp dự toán các chi phí này đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư xây dựng, chủ đầu tư xem xét quyết định việc chuẩn xác lại nếu cần thiết. Trường hợp thuê tư vấn nước ngoài thì thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí thuê tư vấn nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 32, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

Điều 15. Phê duyệt dự toán xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư phê duyệt dự toán xây dựng công trình đồng thời với việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

2. Chủ đầu tư phê duyệt dự toán chi phí các công việc chuẩn bị để lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và các chi phí tính chung cho cả dự án.

3. Quyết định phê duyệt dự toán xây dựng công trình và dự toán chi phí quy định tại khoản 2 Điều này được gửi cho người quyết định đầu tư.

Điều 16. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

Việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

Điều 17. Một số quy định khác trong công tác thẩm định dự án, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình

1. Việc phân loại dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Việc phân loại và phân cấp công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Việc thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình được thực hiện với toàn bộ các công trình hoặc từng công trình của dự án hoặc bộ phận công trình theo giai đoạn thi công công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư nhưng phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về nội dung, cơ sở tính toán trong các kết quả thẩm định.

4. Đối với những nơi chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt, ngoài các dự án được Sở Xây dựng hoặc Phòng có chức năng quản lý quy hoạch xây dựng cấp huyện thẩm định, cơ quan đầu mối thẩm định dự án phải gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng có chức năng quản lý quy hoạch xây dựng (đối với công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc Sở Xây dựng (đối với các công trình còn lại) để cho ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng.

5. Trong quá trình thực hiện đầu tư, nếu phải bổ sung hạng mục, điều chỉnh các giải pháp kỹ thuật do lỗi tư vấn, điều chỉnh dự án do nguyên nhân chủ quan, thủ trưởng của cơ quan chủ đầu tư, cơ quan chuẩn bị dự án, Ban quản lý dự án và các đơn vị, cá nhân liên quan phải kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm trước người quyết định đầu tư. Trường hợp phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do lỗi của tư vấn, Ban quản lý dự án thì chủ đầu tư phải áp dụng hình thức xử lý vi phạm và khắc phục hậu quả về mặt kinh tế theo quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

6. Hồ sơ trình thẩm định sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện được cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra, đóng dấu xác nhận các nội dung đã được thẩm định trên các bản vẽ có liên quan của 01 bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế xây dựng. Mẫu dấu thẩm định theo quy định tại Mẫu số 08, Phụ lục I, Nghị định 15/2021/NĐ-CP. Các bản vẽ đã đóng dấu thẩm định được giao lại cho người đề nghị thẩm định; người đề nghị thẩm định có trách nhiệm lưu trữ theo quy định pháp luật về lưu trữ và đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần xem xét hồ sơ lưu trữ này. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp lại bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Xử lý chuyển tiếp

1. Việc xử lý chuyển tiếp đối với các nội dung công việc có liên quan đến công tác thẩm định của người quyết định đầu tư, thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 110, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Việc xử lý chuyển tiếp đối với các nội dung liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy định này; định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng kết quả thực hiện công tác thẩm định.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện việc kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác thẩm định của UBND cấp huyện, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, báo cáo UBND tỉnh để kịp thời điều chỉnh việc phân cấp cho phù hợp với từng đơn vị.

3. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này; định kỳ hằng năm báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác thẩm định do mình thực hiện (trước ngày 10 tháng 12 hằng năm).

4. UBND cấp huyện có trách nhiệm kiện toàn bộ máy của các Phòng có chức năng về quản lý xây dựng; định kỳ hằng năm báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác thẩm định do mình thực hiện (trước ngày 10 tháng 12 hằng năm).

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các ngành, các cấp, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.